

Bản án số: 114 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 26-4-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Văn Long

Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 93/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXX-ST ngày 22/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phạm Văn Đ, sinh ngày 24/01/1993 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (Hiện đang lao động tại Đài Loan).

Anh Đ ủy quyền cho ông Phạm Văn K, sinh năm 1968; Nơi thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giao nhận tài liệu với Tòa án (văn bản ủy quyền ngày 25/03/2024, không triệu tập).

2. Bị đơn: Chị Lương Thị L, sinh ngày 11/01/1995 (vắng mặt)

Nơi thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Hiện đang tạm trú tại: tổ dân phố K, phường Q, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Văn K, sinh năm 1968 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1970; Đều thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai đề ngày 25/3/2024 (có xác nhận của Văn phòng Kinh tế - Văn hóa Việt Nam tại Đ), nguyên đơn anh Phạm Văn Đ trình bày:

Anh và chị Lương Thị L đăng ký kết hôn ngày 29/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn, chị L về nhà anh làm dâu và chung sống hòa thuận. Năm 2022, do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan một thời gian thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Trong thời gian mâu thuẫn, anh chị nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con cái nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh chị đều xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ giữa tháng 12/2022 đến nay anh và chị L không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho anh được ly hôn chị Lương Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là cháu Phạm Trung D, sinh ngày 08/9/2016 và cháu Phạm Huyền T, sinh ngày 13/6/2019. Sau khi ly hôn, anh L đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng còn cháu D do hiện nay cháu đang sinh sống cùng ông, bà nội và anh nên anh đề nghị giao cháu D cho anh là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cho ông, bà nội (ông K, bà S) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Đ trình bày: Do điều kiện công việc nên anh không có thời gian đến Tòa án làm việc. Vì vậy anh đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử. Anh ủy quyền cho ông Phạm Văn K, sinh năm 1968; Nơi thường trú: thôn Đ, xã Đ, huyện H, tỉnh Lạng Sơn giao nhận tài liệu với Tòa án.

Theo bản tự khai ngày 22/3/2024, bị đơn chị Lương Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng giống như anh Đ trình bày là đúng. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh Phạm Văn Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Phạm Trung D, sinh ngày 08/9/2016 và cháu Phạm Huyền T, sinh ngày 13/6/2019. Sau khi ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao cháu T cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu D cho anh Đ là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cho ông, bà nội (ông K, bà S) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Đ về Việt Nam sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị **L** trình bày: Do điều kiện công việc nên chị không có thời gian đến Tòa án làm việc. Vì vậy chị đề nghị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và vắng mặt tại các phiên tòa xét xử.

Theo bản tự khai ngày 27/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Phạm Văn K** và bà **Nguyễn Thị S** trình bày:

Về hôn nhân của anh **Đ**, chị **L**: anh, chị được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã **Đ**, huyện **H**, tỉnh **Lạng Sơn**. Sau khi kết hôn, chị **L** về nhà ông bà làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2022 anh **Đ** đi lao động tại **Đài Loan**. Sau khi sang **Đài Loan** một thời gian thì thấy anh **Đ** nói vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh **Đ**, chị **L** nói là do bất đồng quan điểm sống. Ông, bà có khuyên bảo anh, chị bỏ qua mâu thuẫn để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con nhưng không được. Sau đó, anh, chị sống ly thân nhau.

Về con chung: Anh **Đ**, chị **L** có 02 con chung là cháu **Phạm Trung D**, sinh ngày 08/9/2016 và cháu **Phạm Huyền T**, sinh ngày 13/6/2019. Cháu **T** hiện đang sinh sống cùng chị **L**. Cháu **D** đang sinh sống cùng ông bà và anh **Đ**. Ông, bà đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **D** cho đến khi anh **Đ** về nước sinh sống. Ông bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **D** trong thời gian qua và tới đây vừa là quyền cũng như nghĩa vụ của ông bà đối với cháu nên không yêu cầu anh **Đ**, chị **L** phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **D**. Anh **Đ**, chị **L** vẫn cấp dưỡng hàng tháng để ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu **D**.

Về tài sản chung, công nợ chung của anh **Đ**, chị **L**: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 22/4/2024, cháu **Phạm Trung D** trình bày: Cháu hiện nay đang sinh sống cùng bố và ông, bà nội tại **thôn Đ**, xã **Đ**, huyện **H**, tỉnh **Lạng Sơn**. Cháu được ông bà cho ăn và đưa đi học đầy đủ, đúng giờ. Em cháu hiện đang ở với mẹ. Bố cháu hiện đang ở nước ngoài nhưng vẫn thường xuyên gọi điện về hỏi thăm tình hình học tập của cháu. Nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở cùng bố và bà nội.

Tại phiên tòa, anh **Phạm Văn Đ**, chị **Lương Thị L**, ông **Phạm Văn K** và bà **Nguyễn Thị S** vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh **Phạm Văn Đ**; Bản tự khai của chị **Lương Thị L**; Bản tự khai của ông **Phạm Văn K** và bà **Nguyễn Thị S**; Biên bản làm việc đối với cháu **Phạm Trung D** và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh **Phạm Văn Đ**.

Xử cho anh **Phạm Văn Đ** được ly hôn chị **Lương Thị L**.

Về con chung: Trong thời gian anh **Đ** đi lao động ở nước ngoài, cháu **D** sinh sống cùng ông bà nội (ông **K**, bà **S**), cháu **T** sinh sống cùng chị **L**. Mặt khác, cháu **D** trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn. Sau khi vợ chồng ly hôn anh **Đ**, chị **L**, ông **K**, bà **S** cùng có thống nhất giao cháu **T** cho chị **L**, giao cháu **D** cho anh **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu **T** cho chị **L**, giao cháu **D** cho anh **Đ** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, nhưng tạm giao cháu **D** cho ông **Phạm Văn K** và bà **Nguyễn Thị S** chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh **Đ** về Việt Nam.

Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ chung: Anh **Đ**, chị **L** không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Anh **Phạm Văn Đ** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Anh **Phạm Văn Đ** khởi kiện xin ly hôn chị **Lương Thị L** và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Anh **Đ** là nguyên đơn hiện đang lao động tại Đài Loan. Mặt khác, chị **L** là bị đơn hiện đang tạm trú tại tỉnh Bắc Giang. Do vụ án có nguyên đơn là anh **Phạm Văn Đ** đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh **Phạm Văn Đ**, chị **Lương Thị L**, ông **Phạm Văn K** và bà **Nguyễn Thị S**.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Phạm Văn Đ** và chị **Lương Thị L** kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 29/02/2016 tại Ủy ban nhân dân xã **Đ**, huyện **H**, tỉnh **Lạng Sơn**. Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Anh **Đ** khởi kiện xin ly hôn chị **L**.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh **Đ** với chị **L**, Hội đồng xét xử thấy: Anh **Đ**, chị **L** đều xác định, sau khi kết hôn anh, chị chung sống hạnh phúc. Năm 2022 do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh **Đ**, đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau khi sang Đài Loan được một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 12/2022 đến nay anh chị không còn hỏi thăm nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay, anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh **Đ** xin ly hôn chị **L**, chị **L** đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh **Đ**. Như vậy, có căn cứ xác định vợ chồng chị **L**, anh **Đ** không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh **Đ** đối với chị **L** và xử cho anh **Đ** được ly hôn chị **L** là hoàn toàn phù hợp với Điều 51, Điều 53, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Đ** và chị **L** đều trình bày vợ chồng anh, chị có 02 con chung là cháu **Phạm Trung Đ**, sinh ngày 08/9/2016 và cháu **Phạm Huyền T**, sinh ngày 13/6/2019. Cháu **T** hiện đang sinh sống cùng chị **L**. Cháu **Đ** đang sinh sống cùng ông bà nội. Sau khi ly hôn, anh **Đ** đề nghị Tòa án giao cháu **T** cho chị **L** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu **Đ** cho anh **Đ** là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, nhưng tạm giao cho ông, bà nội (ông **K**, bà **S**) chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh **Đ** về Việt Nam sinh sống. Chị **L** đồng ý, cháu **Đ** có nguyện vọng ở cùng bố và ông, bà nội.

Xét yêu cầu của anh **Đ** về việc giao con chung cho anh **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Trong thời gian anh **Đ** đi lao động ở nước ngoài, cháu **Đ** sinh sống cùng ông bà nội (ông **K**, bà **S**), cháu **T** sinh sống cùng chị **L**. Các cháu được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Mặt khác, cháu **Đ** trên 07 tuổi có nguyện vọng ở với bố và ông bà nội nếu bố mẹ ly hôn. Sau khi ly hôn anh **Đ**, chị **L**, ông **K**, bà **S** cùng thống nhất giao cháu **T** cho chị **L**, giao cháu **Đ** cho anh **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, đây là nguyện vọng và sự tự nguyện của các đương sự trong vụ án. Đồng thời, để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và việc học tập của các cháu, đảm bảo sự phát triển

tốt nhất của các con chung, căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của anh Đ. Giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu D cho anh Đ nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác, nhưng tạm giao cho ông Phạm Văn K và bà Nguyễn Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh Đ về Việt Nam là có căn cứ theo quy định tại điều 104 luật hôn nhân và gia đình, phù hợp điều kiện thực tế và đảm bảo quyền vào lợi ích mọi mặt của con chung và nguyện vọng của cháu D cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về quyền thăm nom con chung: Sau khi ly hôn chị L, anh Đ có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị L, anh Đ thực hiện quyền này theo quy định tại điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp anh Đ, chị L thay đổi nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, chị L, anh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết do chị L, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về tài sản chung, công nợ: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét do chị L, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[8]. Về án phí: Anh Phạm Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

[8.1] Anh Phạm Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở nước ngoài nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật theo quy định tại Điều 271 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

[8.2] Ông Phạm Văn K, bà Nguyễn Thị S, chị Lương Thị L vắng mặt tại phiên tòa nhưng hiện đang ở trong nước nên có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1

Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về hôn nhân: Anh **Phạm Văn Đ** được ly hôn Chị **Lương Thị L**.

2. Về nuôi con chung:

Giao cháu **Phạm Huyền T**, sinh ngày 13/6/2019 cho chị **Lương Thị L** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu **Phạm Trung D**, sinh ngày 08/9/2016 cho anh **Phạm Văn Đ** nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu **Phạm Trung D** cho ông **Phạm Văn K** và bà **Nguyễn Thị S** nuôi dưỡng cho đến khi anh **Phạm Văn Đ** về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, anh **Phạm Văn Đ**, chị **Lương Thị L** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở anh **Đ**, chị **L** thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh **Phạm Văn Đ** phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001157 ngày 17/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh **Đ** đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh **Phạm Văn Đ** có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Ông **Phạm Văn K**, bà **Nguyễn Thị S**, chị **Lương Thị L** có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Đồng Tân, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn;
- Công thông tin điện tử TAND;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

